



CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9.06

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Hà Nội - Tháng 5 năm 2019

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 6
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán	7 - 8
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	9
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	10
Thuyết minh Báo cáo tài chính	11 - 26

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9.06

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Sông Đà 9.06 trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Sông Đà 9.06 (gọi tắt là "Công ty") trước đây là doanh nghiệp nhà nước, đã chuyển đổi (cổ phần hoá) theo quyết định số 1745/QĐ-BXD và 1749/QĐ-BXD ngày 26/12/2003 của Bộ Xây dựng.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0101437741 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 15/01/2004 và đăng ký thay đổi lần thứ 09 ngày 03/12/2013.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: SONG DA NO 9.06 JOINT STOCK COMPANY. Tên viết tắt là: SONG DA NO 9.06.,JSC.

Trụ sở chính của Công ty tại: tầng 7, nhà G10, Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội.

Các đơn vị hạch toán phụ thuộc Công ty như sau:

Stt	Tên đơn vị	Địa chỉ
1	Văn phòng Công ty	tầng 7, nhà G10, Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội
2	Chi nhánh tại thành phố Hồ Chí Minh	Số 226 đường số 28, Phường Bình Trị Đông B, quận Bình Tân, TP Hồ Chí Minh
3	Chi nhánh Công ty Cổ phần Sông Đà 9.06 tại Lào Cai	Phiên Đoong, xã Nậm Xây, huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Hội đồng Quản trị

Ông Đinh Ngọc Ánh	Chủ tịch
Ông Đào Viết Thọ	Ủy viên
Ông Nguyễn Hùng Anh	Ủy viên

Các thành viên Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm có:

Ban Giám đốc

Ông Đinh Ngọc Ánh	Tổng Giám đốc
Ông Đào Viết Thọ	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Văn Toàn	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm từ 19/06/2018)
Ông Nguyễn Hùng Anh	Phó Tổng Giám đốc

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

Số: 501/2019/BCKT-BCTC/CPA VIETNAM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính năm 2018 của Công ty Cổ phần Sông Đà 9.06

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Sông Đà 9.06**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Sông Đà 9.06 được lập ngày 06 tháng 5 năm 2019, từ trang 07 đến trang 26, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2018, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Tuy nhiên, do vấn đề mô tả tại đoạn "Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến", chúng tôi đã không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến

Chúng tôi không tham gia quan sát công tác kiểm kê tiền mặt, hàng tồn kho, tài sản tại cố định thời điểm 31 tháng 12 năm 2018 do được bổ nhiệm làm kiểm toán viên sau ngày này, chúng tôi đã thực hiện các thủ tục kiểm toán thay thế khác nhưng các thủ tục này cũng không cung cấp đủ bằng chứng kiểm toán để cho phép chúng tôi đưa ra ý kiến về tính hiện hữu và đầy đủ của khoản mục tiền mặt, hàng tồn kho, tài sản cố định trên Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Công ty.

Chúng tôi không thu thập được các đối chiếu, xác nhận công nợ phải thu, phải trả tại thời điểm 31/12/2018. Do cách thức theo dõi của công ty nên chúng tôi không thực hiện được các thủ tục kiểm tra thay thế. Do đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến về các khoản mục này, cũng như ảnh hưởng của chúng đến Báo cáo tài chính năm 2018.

Theo thuyết minh số 5.2; 5.3; 5.4 Công ty chưa trích lập dự phòng phải thu khó đòi đối với khoản phải thu quá hạn trên 3 năm với số tiền tương ứng là 14.509.438.024 đồng, 14.519.085.708 đồng, 30.748.890.695 đồng. Do đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến về các khoản mục này và ảnh hưởng (nếu có) của chúng đến các khoản mục khác trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

Theo thuyết minh số 5.11, số dư khoản mục chi phí phải trả tại ngày 31/12/2018 chủ yếu là các khoản chi phí trích trước tương ứng với doanh thu đã ghi nhận của một số công trình đã phát sinh nhiều năm và chưa được hoàn chứng từ. Do vậy, chúng tôi không đủ cơ sở để đưa ra ý kiến về khoản mục này và ảnh hưởng của nó đến các khoản mục khác trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Công ty.

Từ chối đưa ra ý kiến

Do tầm quan trọng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến" nên chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán về Báo cáo tài chính đính kèm.

Vấn đề khác

Chúng tôi muốn lưu ý người đọc Báo cáo đến các mục 5.2; 5.12; 5.13 về vấn đề liên quan đến dự án Bình Tân. Ngày 12/09/2007, các bên tham gia liên danh gồm Công ty Cổ phần Sông Đà 9, Công ty Cổ phần Sông Đà 9.01, Công ty Cổ phần Sông Đà 9.06 ký thỏa thuận liên danh số 01 TTLD/SD9-901-906 v/v Hợp tác Đầu tư xây dựng khu đô thị mới Tân Tạo, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 21/05/2009, UBND TP. Hồ Chí Minh có văn bản số 2227/UBND-DTMT v/v chấp thuận đầu tư xây dựng dự án này cho Liên danh 3 công ty.

Ngày 21/08/2009 theo PL số 02/TTLDBS/SD9-901-906, các bên liên danh rút khỏi dự án và không tiếp tục tham gia đầu tư dự án KĐT mới Tân Tạo, để cho Công ty Cổ phần Sông Đà 9.06 là chủ đầu tư duy nhất.

Ngày 29/09/2010 Công ty Cổ phần Sông Đà 9.06 và Công ty Cổ phần Tư vấn - Thương mại dịch vụ địa ốc Hoàng Quân đã ký hợp đồng hợp tác đầu tư số 89/HQ-HĐHT v/v đầu tư xây dựng và kinh doanh dự án KĐT Sông Đà - Bình Tân, Công ty Hoàng Quân góp vốn vào dự án 335.500.000.000 đồng, đổi lại Công ty Hoàng Quân nhận được 61.000m² đất ở thành phẩm đã đủ cơ sở hạ tầng.

Theo Hồ sơ tài liệu Công ty Cổ phần Sông Đà 9.06 cung cấp cho Đoàn Kiểm tra (chi cục thi hành án Quận Bình Tân) thì tại thời điểm kiểm tra thuế, Công ty Cổ phần Sông Đà 9.06 không có quyết định giao đất; giao dịch giữa Công ty Cổ phần Sông Đà 9.06 và Công ty Hoàng Quân là giao dịch không có hàng hóa. Như vậy, Công ty Cổ phần Sông Đà 9.06 chưa đủ điều kiện ghi nhận doanh thu liên quan đến Dự án KĐT Sông Đà - Bình Tân.

Ngày 02/04/2014, Tòa án nhân dân quận Bình Tân, TP. HCM có tuyên xử hủy Hợp đồng hợp tác đầu tư này. Buộc Công ty Cổ phần Sông Đà 9.06 có trách nhiệm trả cho Công ty Hoàng Quân số tiền 55.800.000.000 đồng.

Biên bản thỏa thuận số 01/BBTT ký ngày 11/12/2015, Biên bản thỏa thuận số 02 ký ngày 10/10/2016 V/v chuyển giao quyền sử dụng đất (theo BBTT số 01 tổng số tiền Công ty Hoàng Quân phải thanh toán là 65.300.000.000, Công ty Hoàng Quân đã thanh toán 60.800.000.000 đồng sau khi kiểm tra số liệu chứng từ do công ty Sông Đà 9.06 cung cấp có liên quan đến quyền sử dụng đất đền bù giải tỏa có diện tích là 41.967,7 m², căn cứ vào bản vẽ Công ty Hoàng Quân đo đạc là 41.104,7 m² chênh lệch 863 m² sau khi có kết quả đo vẽ lại được 2 bên thống nhất nếu vẫn phát sinh diện tích giảm so với diện tích Công ty Sông Đà 9.06 đã đền bù thì áp dụng đơn giá đã qui định tại khoản 2.1 Điều 2 của biên bản này), Biên bản thỏa thuận số 03 ký ngày 11/11/2016 V/v Thanh toán tiền và thực hiện pháp lý dự án Khu đô thị Sông Đà - Bình Tân (theo BBTT số 01 tổng số tiền Công ty Hoàng Quân phải thanh toán là 65.300.000.000 đồng, Công ty Hoàng Quân đã thanh toán 60.800.000.000 đồng. Sau đó Công ty Hoàng Quân làm việc với các cơ quan chính quyền địa phương để tiếp tục thực hiện dự án khu đô thị Sông Đà - Bình Tân tại phường Tân Tạo và phường Bình Trị Đông A, quận Bình Tân trước đây do Công ty Cổ phần Sông Đà 9.06 làm chủ đầu tư đồng thời về công việc thực hiện tại Điều 2 của Biên Bản Công ty Sông Đà 9.06 cam kết Ủng hộ Công ty Hoàng Quân tiếp tục thực hiện dự án khu đô thị Sông Đà - Bình Tân tại phường Tân tạo và phường Bình Trị Đông A nêu trên, cung cấp các chứng từ tài liệu có liên quan đến dự án theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền theo qui định của pháp luật, không tranh chấp khiếu nại khi Công ty Hoàng Quân thực hiện dự án nêu trên hoặc thực hiện dự án có ranh trùng với ranh dự án khu đô thị Sông Đà Bình Tân tại phường Tân tạo, Bình trị Đông A nêu trên). Đến nay Công ty CP Tư vấn Thương mại - Dịch vụ địa ốc Hoàng Quân vẫn chưa được các cơ quan của TP. Hồ Chí Minh cho phép và các biên bản làm việc 3 bên (Công ty Cổ Phần Sông Đà 9.06 - Công ty Cổ phần tư vấn - Thương mại - Dịch vụ Địa Ốc Hoàng Quân và Chi cục Thi hành án dân sự Quận Bình Tân - Thành Phố Hồ Chí Minh) với điều kiện Công ty CP Tư vấn - Thương mại - Dịch vụ Địa Ốc Hoàng Quân thanh toán hết số tiền đã thỏa thuận trước 30/03/2017. Nếu không thanh toán thì các thỏa thuận coi như không có hiệu lực và coi như Công ty CP Sông Đà 9.06 đã hoàn thành nghĩa vụ với Công ty CP Tư vấn - Thương mại - Dịch vụ Địa ốc Hoàng Quân. Công ty CP Tư vấn - Thương mại - Dịch vụ - Địa ốc Hoàng Quân có trách nhiệm trả lại số đo và giấy tờ liên quan đến 41.967,7m² cho Công ty CP Sông Đà 9.06. Đến thời điểm hiện tại Công ty Hoàng Quân chưa thanh toán hết số tiền theo thỏa thuận.

Đồng thời chúng tôi muốn lưu ý đến người đọc Báo cáo nếu Công ty ghi nhận theo thỏa thuận thì sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến các chỉ tiêu khác trên Báo cáo tài chính bao gồm 5.2; 5.6; 5.12; 5.13; 5.14; 5.17; 5.18; 5.19.

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được kiểm toán và Báo cáo kiểm toán có ý kiến dạng từ chối đưa ra ý kiến do Kiểm toán viên không tham gia quan sát kiểm kê hàng tồn kho tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2017; Công ty chưa thực hiện đối chiếu đầy đủ các khoản công nợ tại ngày 31/12/2017; Công ty chưa đánh giá và trích lập đầy đủ dự phòng phải thu khó đòi; Số dư khoản mục chi phí phải trả tại ngày 31/12/2017 chủ yếu là các khoản chi phí trích trước tương ứng với doanh thu đã ghi nhận của một số Công trình đã phát sinh nhiều năm và chưa được hoàn chứng từ; Công ty chưa nộp và Cơ quan thuế chưa kiểm tra quyết toán nên kiểm toán viên không đủ cơ sở xác định số dư thuế phải trả; Công ty chưa hạch toán lãi chậm trả tiền bảo hiểm tại thời điểm 31/12/2017.



Phan Thanh Nam

Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1009 -2018-137-1

Giấy Ủy quyền số: 02/2019/UQ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2019 của Chủ tịch HĐQT

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM

Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế Moore Stephens

Hà Nội, ngày 06 tháng 5 năm 2019

Nguyễn Thị Mai Hoa

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2326 -2018-137-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2018	01/01/2018
			VND	VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		437.577.783.899	437.387.669.400
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	793.240.542	572.904.739
1. Tiền	111	5.1	793.240.542	572.904.739
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		415.028.088.676	415.465.422.182
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	356.388.673.254	356.388.673.254
2. Trả trước cho người bán	132	5.3	16.786.993.145	17.216.993.145
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	42.555.123.891	42.562.457.397
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(702.701.614)	(702.701.614)
IV. Hàng tồn kho	140		21.553.938.907	21.190.302.543
1. Hàng tồn kho	141	5.5	21.553.938.907	21.190.302.543
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		202.515.774	159.039.936
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	5.10	202.515.774	159.039.936
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+240+250+260)	200		100.000.000	100.000.000
II. Tài sản cố định	220		-	-
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.7	-	-
- Nguyên giá	222		433.844.742	433.844.742
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(433.844.742)	(433.844.742)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		100.000.000	100.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	5.6	100.000.000	100.000.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		437.677.783.899	437.487.669.400

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2018	01/01/2018
			VND	VND
C. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		370.759.841.471	370.811.952.756
I. Nợ ngắn hạn	310		370.759.841.471	370.811.952.756
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.8	14.133.224.342	14.205.529.597
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.9	5.373.961.833	5.373.961.833
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.10	47.286.586.329	47.281.853.425
4. Phải trả người lao động	314		4.619.549.887	4.604.088.821
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.11	207.781.730.489	207.781.730.489
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	5.12	65.300.000.000	65.300.000.000
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.13	22.287.092.923	22.287.092.923
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		3.977.695.668	3.977.695.668
II. Nợ dài hạn	330		-	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400		66.917.942.428	66.675.716.644
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.14	66.917.942.428	66.675.716.644
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		111.555.320.000	111.555.320.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		111.555.320.000	111.555.320.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(126.000.000)	(126.000.000)
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		288.231.000	288.231.000
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		20.943.285.944	20.943.285.944
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		3.008.651.255	3.008.651.255
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(68.751.545.771)	(68.993.771.555)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(68.993.771.555)	(69.314.284.072)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		242.225.784	320.512.517
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		437.677.783.899	437.487.669.400

Người lập

Kế toán trưởng

[Signature]
Ca Chi Hoa

Hà Nội, ngày 06 tháng 5 năm 2019



Đinh Ngọc Ánh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2018	Năm 2017
			VND	VND
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		-	-
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		-	-
4. Giá vốn hàng bán	11	5.15	-	1.525.061.632
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		-	(1.525.061.632)
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.16	241.987	422.615
7. Chi phí tài chính	22		-	-
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	5.17	258.016.203	145.440.466
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}	30		(257.774.216)	(1.670.079.483)
11. Thu nhập khác	31	5.18	500.000.000	2.000.000.000
12. Chi phí khác	32	5.18	-	9.408.000
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		500.000.000	1.990.592.000
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		242.225.784	320.512.517
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		242.225.784	320.512.517
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		22	29

Người lập

Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 06 tháng 5 năm 2019

Tổng Giám đốc

Bà. Chi Hoa



Đinh Ngọc Ánh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

CHỈ TIÊU	MS	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
		4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	242.225.784	320.512.517
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(241.987)	(422.615)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	241.983.797	320.089.902
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	393.857.668	(1.136.228.798)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(363.636.364)	677.104.110
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	(56.844.189)	149.698.851
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	500.000.000	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(495.267.096)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	220.093.816	10.664.065
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	241.987	422.615
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	241.987	422.615
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50	220.335.803	11.086.680
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	572.904.739	561.818.059
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	793.240.542	572.904.739

Hà Nội, ngày 06 tháng 5 năm 2019

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Đinh Ngọc Ánh



Đinh Ngọc Ánh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Sông Đà 9.06 (gọi tắt là "Công ty") trước đây là doanh nghiệp nhà nước, đã chuyển đổi (cổ phần hoá) theo quyết định số 1745/QĐ-BXD và 1749/QĐ-BXD ngày 26/12/2003 của Bộ Xây dựng.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0101437741 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 15/01/2004 và đăng ký thay đổi lần thứ 09 ngày 03/12/2013.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: SONG DA NO 9.06 JOINT STOCK COMPANY. Tên viết tắt là: SONG DA NO 9.06.,JSC.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 111.555.320.000 đồng.

Trụ sở chính của Công ty tại: tầng 7, nhà G10, Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội.

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động kinh doanh chính

- Xây dựng các công trình dân dụng khác gồm: xây dựng đường hầm, xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, thủy điện, thủy lợi, giao thông, đường dây và trạm biến áp điện đến 35KV;
- Xây dựng nhà các loại;
- Nuôi trồng thủy sản biển;
- Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác;
- Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp;
- Sản xuất bao bì bằng gỗ;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện;
- Sản xuất đồ gỗ xây dựng;
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- ...

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG****Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành và thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 sửa đổi bổ sung một số điều của thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam có liên quan do Bộ Tài chính ban hành.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn) và Tiền đang chuyển.

Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu - chi.

Tiền đang chuyển: Dựa vào các lệnh chuyển tiền chưa có giấy báo Nợ và giấy nộp tiền chưa có giấy báo Có.

Tương đương tiền

Là các khoản đầu tư ngắn hạn, tiền gửi có kỳ hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, gửi tiền có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc và được xác định theo giá trị hợp lý căn cứ vào khả năng thu hồi của khoản đầu tư.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tố phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết). Khoản phải thu này gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác. Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.
- Phải thu nội bộ gồm các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo Tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009.

Nguyên tắc kế toán Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập Dự phòng khi giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Máy móc thiết bị
Phương tiện vận tải
Thiết bị, dụng cụ quản lý

2018
Số năm
03 - 07
06
03 - 06

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn là khoản đầu tư dài hạn khác.

Các khoản đầu tư dài hạn khác là khoản góp vốn vào các đơn vị mà Công ty không nắm giữ quyền kiểm soát hoặc có ảnh hưởng trọng yếu được phản ánh theo giá gốc.

Trong Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018, các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác được phản ánh theo giá gốc.

Nguyên tắc kế toán Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Nguyên tắc ghi nhận Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ dự trữ theo Điều lệ của Công ty.

Cổ tức được công bố và chi trả dựa trên số lợi nhuận ước tính đạt được. Cổ tức chính thức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)****Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán**

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư bán trong kỳ (kể cả chi phí khấu hao; chi phí sửa chữa; chi phí nghiệp vụ cho thuê BĐS đầu tư theo phương thức cho thuê hoạt động, chi phí nhượng bán, thanh lý BĐS đầu tư...) được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong kỳ.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Hợp đồng xây dựng

Trường hợp Hợp đồng xây dựng quy định Công ty được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng không thể ước tính một cách đáng tin cậy, trường hợp Công ty có thể thu hồi được các khoản chi phí của hợp đồng đã bỏ ra thì doanh thu được ghi nhận chỉ tới mức các chi phí đã bỏ ra có khả năng thu hồi. Khi đó, không một khoản lợi nhuận nào được ghi nhận, kể cả khi tổng chi phí thực hiện hợp đồng có thể vượt quá tổng doanh thu của hợp đồng.

Việc xác định doanh thu của Hợp đồng xây dựng chịu tác động của nhiều yếu tố không chắc chắn vì chúng tùy thuộc vào các sự kiện xảy ra trong tương lai. Việc ước tính thường phải sửa đổi khi các sự kiện đó phát sinh và các yếu tố không chắc chắn được giải quyết.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một năm.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc: ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm; hoãn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước; không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất từ 20 % trên thu nhập chịu thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9.06
Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN

Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là Tập đoàn Sông Đà, Công ty Cổ phần Sông Đà 9 và các công ty con, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Giám đốc cho rằng Công ty hoạt động trong các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là xây dựng, sản xuất bê tông, hoạt động khác và hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam. Báo cáo bộ phận sẽ được lập theo lĩnh vực kinh doanh.



THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Tiền mặt	280.244.888	323.997.072
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	512.995.654	248.907.667
Tổng	793.240.542	572.904.739

Phải thu khách hàng ngắn hạn

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn	356.388.673.254	356.388.673.254
Công ty Cổ phần Sông Đà Đông Đô	6.479.907.857	6.479.907.857
Công ty CP TM - DV Hoàng Quân	339.000.000.000	339.500.000.000
Ban QLDA trường Đại Học Mở	3.293.752.000	3.293.752.000
Các đối tượng khác	7.615.013.397	7.115.013.397
b) Phải thu của khách hàng dài hạn	-	-
Tổng	356.388.673.254	356.388.673.254

Tổng giá trị các khoản phải thu nhưng khó có khả năng thu hồi chi tiết như sau:

Trong đó:	Quá hạn dưới 1 năm	Quá hạn từ 1 năm đến 2 năm	Quá hạn từ 2 năm đến 3 năm	Quá hạn trên 3 năm
Công ty CP Sông Đà Đông Đô	-	-	-	6.479.907.857
BQLDA CTXD huyện Đan Phượng	-	-	-	1.263.617.000
Đội XL số 7 - Nguyễn Quốc Tuấn	-	-	-	1.013.654.210
BQLDA Trường ĐH Mở	-	-	-	3.293.752.000
Các khách hàng khác	-	-	-	2.458.506.957
Tổng	-	-	-	14.509.438.024

SMEC Hà Nội
 Cty CP XD và TM Nhất Kiến tạo
 Công ty CP Sông đà 9
 Công ty CP tư vấn kiến trúc và XD HCM
 Công ty tư vấn triển khai công nghệ và XD mô
 địa chất

Ông Nguyễn văn Giầy
 Bà Huỳnh Thị Ngọc Duyên
 Trả trước cho người bán ngắn hạn khác
 b) Trả trước cho người bán dài hạn

Tổng

16.786.993.145	17.216.993.145
894.000.000	894.000.000
988.622.268	988.622.268
1.345.550.000	1.345.550.000
1.241.622.500	1.241.622.500
692.830.000	692.830.000
-	-
300.000.000	300.000.000
2.000.000.000	2.000.000.000
1.500.000.000	1.500.000.000
7.824.368.377	8.254.368.377
-	-
16.786.993.145	17.216.993.145

Tổng giá trị các khoản phải thu nhưng khó có khả năng thu hồi chi tiết như sau:

Trong đó:

Ông Nguyễn Văn Giầy
 Bà Huỳnh Thị Ngọc Duyên
 Cty SMEC HN
 DNTN Trường Xuân
 Trung tâm thủy Điện
 Công ty CP Tài Nguyên Môi Trường VN
 Trả trước người bán khác
Tổng

Quá hạn dưới 1 năm	Quá hạn từ 1 năm đến 2 năm	Quá hạn từ 2 năm đến 3 năm	Quá hạn trên 3 năm
			2.000.000.000
			1.500.000.000
			1.345.550.000
			988.622.268
			385.000.000
			894.000.000
			7.405.913.440
			14.519.085.708

	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
a) Ngắn hạn	42.555.123.891		42.562.457.397	
Phải thu khác	9.444.786.226		9.439.262.023	
Lê Quốc Huy [*]	7.210.000.000	-	7.210.000.000	-
Công ty CP Sông Đà Đông Đô	260.000.000	-	260.000.000	-
Công ty CP Đầu tư Sông Đà 36	260.000.000	-	260.000.000	-
Phải thu BHXH Người lao động	1.004.154.746	-	1.004.154.746	-
Phải thu khác	710.631.480	-	705.107.277	-
Tạm ứng	33.110.337.665	-	33.123.195.374	-
Phạm Trung Kiên	1.102.429.370	-	1.102.429.370	-
Nguyễn Xuân Diễn	2.144.875.000	-	2.144.875.000	-
Trần Đức Hạnh - Chủ CT	3.071.338.546	-	3.071.338.546	-
Vương Văn Việt - Đội XL Số 3	2.852.844.244	-	2.852.844.244	-
Nguyễn Văn Dũng - Đội XL Số 5	1.010.407.388	-	1.010.407.388	-
Nguyễn Khắc Tráng	1.013.148.508	-	1.013.148.508	-
Nguyễn Quang Đô	3.664.000.000	-	3.664.000.000	-
Các khoản tạm ứng khác	18.251.294.609	-	18.264.152.318	-
b) Dài hạn	-	-	-	-
Tổng	42.555.123.891	-	42.562.457.397	-

[*] Tiền chuyển nhượng cổ phần Sông Đà Đông Đô

Tổng giá trị các khoản phải thu nhưng khó có khả năng thu hồi chi tiết như sau:

Phải thu khác:

Trong đó:

Lê Quốc Huy

Phải thu khác

Tổng

Quá hạn dưới 1 năm	Quá hạn từ 1 năm đến 2 năm	Quá hạn từ 2 năm đến 3 năm	Quá hạn trên 3 năm
			7.210.000.000
			1.215.803.936
			8.425.803.936

Tạm ứng:

Trong đó:

Phạm Trung Kiên

Nguyễn Xuân Diễn

Phòng dự án

Trần Đức Hạnh

Nguyễn Quốc Tuấn

Vương Văn Việt

Vũ Văn Dũng

Nguyễn Khắc Tráng

Nguyễn Quang Đô

Tạm ứng khác

Tổng

Quá hạn dưới 1 năm	Quá hạn từ 1 năm đến 2 năm	Quá hạn từ 2 năm đến 3 năm	Quá hạn trên 3 năm
			1.102.429.370
			2.144.875.000
			1.557.320.965
			3.071.338.546
			632.490.714
			2.852.844.244
			1.010.407.388
			1.013.148.508
			3.664.000.000
			5.274.232.024
			22.323.086.759

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9.06

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN

5.5 Hàng tồn kho

	31/12/2018		01/01/2018	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	21.553.938.907	-	21.190.302.543	-
Công trình đường dân dụng	5.159.384.230	-	5.159.384.230	-
Công trình Đà Lạt Plaza	4.623.159.775	-	4.623.159.775	-
Dự án Sông Đà Bình Tân	3.688.379.723	-	3.688.379.723	-
Công trình TCV 1 Nậm Chiến	2.010.754.988	-	2.010.754.988	-
Công trình Cà Mau	1.833.578.044	-	1.833.578.044	-
Các hạng mục Khu vực Sơn La	-	-	-	-
Các công trình Khác	4.238.682.147	-	3.875.045.783	-
Tổng	21.553.938.907	-	21.190.302.543	-

5.6 Đầu tư dài hạn khác

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Công ty CP SUMI SD Thanh Hoa	100.000.000	100.000.000
Tổng	100.000.000	100.000.000

5.7 Tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Đơn vị tính: VND		
	Nhà cửa, vật kiến trúc	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng
NGUYÊN GIÁ			
Số dư tại 01/01/2018	397.310.651	36.534.091	433.844.742
Tăng trong năm	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-
Số dư tại 31/12/2018	397.310.651	36.534.091	433.844.742
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư tại 01/01/2018	397.310.651	36.534.091	433.844.742
Tăng trong năm	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-
Số dư tại 31/12/2018	397.310.651	36.534.091	433.844.742
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại 01/01/2018	-	-	-
Tại 31/12/2018	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9.06
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN

5.8 Phải trả người bán

	31/12/2018 VND		01/01/2018 VND	
	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng trả nợ</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng trả nợ</u>
a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	14.133.224.342	14.133.224.342	14.205.529.597	14.205.529.597
Công ty CP Sông Đà Đồng Đô	1.965.741.445	1.965.741.445	1.965.741.445	1.965.741.445
Công ty TNHH XD Thái Bình	772.000.000	772.000.000	772.000.000	772.000.000
Cty CP XD Hạ tầng đô thị HN	1.515.579.000	1.515.579.000	1.515.579.000	1.515.579.000
Cty TNHH SXVL Long An	805.969.327	805.969.327	1.605.969.327	1.605.969.327
Tổng công ty sông đà	1.910.003.259	1.910.003.259	2.008.041.018	2.008.041.018
Phải trả các đối tượng khác	7.163.931.311	7.163.931.311	6.338.198.807	6.338.198.807
b) Phải trả người bán dài hạn	-	-	-	-
Tổng	14.133.224.342	14.133.224.342	14.205.529.597	14.205.529.597

5.9 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
a) Người mua trả tiền trước ngắn hạn	5.373.961.833	5.373.961.833
Công ty Thủy điện Nậm Cắt	5.123.760.707	5.123.760.707
Người mua trả tiền trước khác	250.201.126	250.201.126
b) Các khoản phải trả người bán dài hạn	-	-
Tổng	5.373.961.833	5.373.961.833

5.10 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

A. Phải nộp

Đơn vị tính: VND

	01/01/2018	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2018
Thuế giá trị gia tăng	31.503.394.975	-	-	31.503.394.975
Thuế thu nhập doanh nghiệp	15.628.181.521	-	-	15.628.181.521
Thuế thu nhập cá nhân	150.276.929	4.732.904	-	155.009.833
Các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
Tổng	47.281.853.425	7.732.904	3.000.000	47.286.586.329

B. Phải thu

	01/01/2018	Số được khấu trừ trong năm	Số đã khấu trừ trong năm	31/12/2018
Thuế giá trị gia tăng	159.039.936	43.475.838	-	202.515.774
Tổng	159.039.936	43.475.838	-	202.515.774

5.11 - Chi phí phải trả

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
a) Ngắn hạn	207.781.730.489	207.781.730.489
Dự án Sông Đà Bình Tân	200.948.204.866	200.948.204.866
CT Thủy Điện sesan 4	1.231.458.515	1.231.458.515
CT Hồ chứa nước IAML A	640.815.466	640.815.466
CT Xưởng May Nông Nghiệp	597.321.291	597.321.291
CT đập Cầu Thành - Thái Nguyên	829.916.898	829.916.898
CT Cấp nước Phú Lạc - Đại từ Thái Nguyên	802.068.322	802.068.322
Dự án qui hoạch 3 xã Đan Phượng	1.020.451.818	1.020.451.818
Chi phí phải trả khác	1.711.493.313	1.711.493.313
b) Dài hạn	-	-
Tổng	207.781.730.489	207.781.730.489

5.12 Doanh thu chưa thực hiện

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Doanh thu dự án Bình Tân	65.300.000.000	65.300.000.000
Tổng	65.300.000.000	65.300.000.000

5.13 Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
a) Ngắn hạn	22.287.092.923	22.287.092.923
- Kinh phí công đoàn;	339.543.983	339.543.983
- Bảo hiểm xã hội;	30.467.103	30.467.103
- Bảo hiểm y tế;	1.000.000	1.000.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác.	21.916.081.837	21.916.081.837
+ Tiền cổ tức phải trả	20.000.000.000	20.000.000.000
+ Phải trả phải nộp khác	1.916.081.837	1.916.081.837
b) Dài hạn	-	-
Tổng	22.287.092.923	22.287.092.923

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

.14 Vốn chủ sở hữu

a. Chi tiết tăng, giảm vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại 01/01/2017	111.555.320.000	(126.000.000)	20.943.285.944	288.231.000	3.008.651.255	(69.314.284.072)	66.355.204.127
Tăng trong năm	-	-	-	-	-	320.512.517	320.512.517
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	-	-	320.512.517	320.512.517
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2017	111.555.320.000	(126.000.000)	20.943.285.944	288.231.000	3.008.651.255	(68.993.771.555)	66.675.716.644
Số dư tại 01/01/2018	111.555.320.000	(126.000.000)	20.943.285.944	288.231.000	3.008.651.255	(68.993.771.555)	66.675.716.644
Tăng trong năm	-	-	-	-	-	242.225.784	242.225.784
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	-	-	242.225.784	242.225.784
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2018	111.555.320.000	(126.000.000)	20.943.285.944	288.231.000	3.008.651.255	(68.751.545.771)	66.917.942.428

Đơn vị tính: VND

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9.06
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN

5.14. Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

b. Chi tiết vốn chủ sở hữu

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Vốn góp của cổ đông khác	111.555.320.000	111.555.320.000
Tổng	111.555.320.000	111.555.320.000

c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2018	Năm 2017
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại ngày đầu năm	111.555.320.000	111.555.320.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại ngày cuối năm	111.555.320.000	111.555.320.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

d. Cổ phiếu

	31/12/2018 Cổ phiếu	01/01/2018 Cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành		
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	11.155.132	11.155.132
+ Cổ phiếu phổ thông	11.155.132	11.155.132
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	11.155.132	11.155.132
Cổ phiếu phổ thông	11.155.132	11.155.132

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/CP

5.15. Giá vốn hàng bán

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Giá vốn hoạt động xây dựng	-	1.525.061.632
Tổng	-	1.525.061.632

5.16. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	241.987	422.615
Tổng	241.987	422.615

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9.06
Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN

5.17 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Chi phí nhân viên quản lý	180.000.000	-
Thuế, phí, lệ phí	3.000.000	3.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.664.307	6.595.455
Chi phí khác bằng tiền	66.351.896	135.845.011
Tổng	258.016.203	145.440.466

5.18 Thu nhập khác/chi phí khác

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Thu nhập khác		
Thu nhập khác	500.000.000	2.000.000.000
Tổng	500.000.000	2.000.000.000
Chi phí khác		
Chi phí khác	-	9.408.000
Tổng	-	9.408.000
Thu nhập khác/chi phí khác (thuần)	500.000.000	1.990.592.000

5.19 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	242.225.784	320.512.517
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	242.225.784	320.512.517
Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi (trường hợp trích quỹ từ lợi nhuận sau thuế)		
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (CP)	11.155.532	11.155.532
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	22	29

5.20 Chi phí sản xuất theo yếu tố

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Chi phí nhân công	180.000.000	1.525.061.632
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.664.307	9.595.455
Chi phí khác bằng tiền	66.351.896	135.845.011
Tổng	255.016.203	1.670.502.098

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9.06
Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
VIỆT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
THÔNG TIN KHÁC
Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Mẫu B 09 - DN

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Ban Giám đốc	Lương, thu nhập	129.530.806	-
Tổng		129.530.806	-

Số dư với các bên liên quan

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Tổng công ty Sông Đà	Công nợ phải trả	1.910.003.259	2.008.041.018
Công ty CP Sông Đà Đông Đô	Công nợ phải thu	6.479.907.857	6.479.907.857

6.2 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens với ý kiến kiểm toán từ chối đưa ra ý kiến.

Hà Nội, ngày 06 tháng 5 năm 2019

Người lập

Kế toán trưởng

[Signature]



Tổng Giám đốc

UBND P. THANH KHUÂN TRUNG, Q. THANH KHUÂN, TP. HÀ NỘI
CHỨNG THỰC RÀM SÁNG VỚI BẢN CHÍNH
Đinh Ngọc Ánh

Ngày: 15-05-2019
Số chứng thư 2584. Quyền số 02.SCT/BS



PHÓ CHỦ TỊCH
Đỗ Thùy Huyền